

# Các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của sinh viên học nghề Thú y tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh

Ngô Thanh Trắc\*<sup>1</sup>, Trần Thị Ngọc Thanh<sup>2</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: ttrac81@gmail.com

<sup>2</sup> Email: ttntanh2011@gmail.com

Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh  
Số 2 Bùi Hữu Nghĩa, thành phố Trà Vinh,  
tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu được thực hiện bằng cách khảo sát về tình trạng việc làm của 124 sinh viên học nghề Thú y tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh bằng bảng hỏi đã được soạn sẵn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp có việc làm ổn định trên 85%; Độ tuổi lao động từ 23-26 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất là 69,4% và độ tuổi lao động có tỉ lệ thấp nhất là 5% (>30 tuổi). Có 6 yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng việc làm của sinh viên học nghề Thú y: Tuổi, thu nhập, giới tính, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm và tham gia kĩ năng mềm. Bài viết đề xuất một số kiến nghị có liên quan đến chương trình đào tạo, hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của chương trình để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

**TỪ KHÓA:** Các nhân tố ảnh hưởng, việc làm, sinh viên, nghề Thú y, Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh.

→ Nhận bài 22/01/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 18/02/2024 → Duyệt đăng 15/5/2024.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410511>

## 1. Đặt vấn đề

Khoa học công nghệ đang có bước phát triển vượt bậc, đặc biệt với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư làm cho một lực lượng lớn lao động có nguy cơ mất việc và quay trở lại lao động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Hơn nữa, sự hội nhập quốc tế, khả năng thích ứng nghề nghiệp ngày càng được các nhà nghiên cứu, quản lí quan tâm và đây cũng là vấn đề được sinh viên, nhà trường và các doanh nghiệp chú trọng. Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội đang là chủ đề nóng, có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nghề Thú y tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh; đảm bảo tốt cho công tác đánh giá và chất lượng việc làm cho sinh viên, khả năng thích ứng và tham gia vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp nghề Thú y. Vì vậy, nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của sinh viên học nghề thú y tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng việc làm của sinh viên nghề Thú y sau khi tốt nghiệp. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị có liên quan đến chương trình đào tạo, hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của chương trình, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số vấn đề lí luận về các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của sinh viên học nghề Thú y tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh

Thú y là ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực chăn

đoán, phòng và điều trị bệnh, hướng dẫn kĩ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp cho xã hội các sản phẩm an toàn. Vì vậy, sinh viên học nghề thú y sẽ được trang bị kiến thức, kĩ năng về khả năng chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, kĩ thuật chăn nuôi, tổ chức và quản lí các hoạt động sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y từ quy mô nông hộ, trang trại chăn nuôi. Ngoài ra, còn thực hiện được các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực thú y.

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, một số tác giả đã quan tâm nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc của lao động như môi trường làm việc, khả năng đáp ứng công việc của người lao động [1]; Giảng viên, chương trình đào tạo, thực hành thực tế, cơ sở vật chất [2]; Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm là kĩ năng cứng, kĩ năng mềm, khả năng làm việc, trình độ ngoại ngữ và kết quả học tập [3]; Danh tiếng trường học, môi trường học tập, sở thích và năng lực cá nhân, đối tượng tham chiếu, thông tin quảng bá, cơ hội nghề nghiệp, sự hỗ trợ, cơ hội liên thông và chi phí [4]. Các ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp đều đồng tình về Chương trình đào tạo và mong muốn có sự gắn kết sâu hơn nữa giữa doanh nghiệp và khoa trong quá trình đào tạo, tuyển dụng nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và xã hội [5].

### 2.2. Khái quát về nghiên cứu

**Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng việc làm của sinh viên nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nghề Trà

Vinh. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị có liên quan đến chương trình đào tạo với công việc thực tế, hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của chương trình, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

*Đối tượng nghiên cứu:* Việc làm của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh.

*Thời gian và địa điểm nghiên cứu:* Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 7 năm 2023 tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh bằng hình thức khảo sát online sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp.

*Phương pháp nghiên cứu:*

Phương pháp thu thập số liệu: 1) Số liệu thứ cấp: Báo cáo từ công ty Cổ phần Green Feed Việt Nam và công ty TNHH Agri CJ Vina; Báo cáo số liệu từ Phòng đào tạo Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh; Báo cáo, tài liệu, công trình nghiên cứu từ các viện, trường; Thông tin trên một số website có liên quan đến đề tài; 2) Số liệu sơ cấp: Số liệu của nghiên cứu được thu thập bằng cách khảo sát online và tổng hợp câu trả lời bằng câu hỏi cấu trúc đã soạn sẵn để lấy thông tin.

Phương pháp khảo sát online: Bảng hỏi cấu trúc được thiết kế bằng google forms, sau đó gửi đến địa chỉ Email, Zalo của cựu sinh viên Nghề thú y.

*Chọn mẫu quan sát:* Trong nghiên cứu này, số quan sát được xác định theo công thức Cochran (1977) [6]:

$$N = \frac{Z^2(1-\alpha/2).p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- N: Số quan sát.
- $Z^2(1-\alpha/2)$ : Hệ số tin cậy ở mức xác suất 95% ( $Z^2(1-\alpha/2) = 1,96$ ).
- p: Tỷ lệ sinh viên học nghề thú y sau khi tốt nghiệp việc làm ( $p = 0,5$ ).
- d: Độ chính xác mong muốn giữa tỷ lệ số quan sát thu thập được và tổng thể quan sát với sai số cho phép ( $d = 0,09$ ).

Theo công thức trên, số quan sát cần thiết sẽ khảo sát là:

$$N = \frac{(1,96)^2 \times (0,5) \times (1-0,5)}{(0,09)^2} = 118$$

Để đảm bảo tính chính xác và thuận lợi trong phân tích, nghiên cứu sẽ khảo sát 124 sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh.

Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu sau khi khảo sát được mã hoá và sử dụng phần mềm SPSS 20 để phân tích.

Phương pháp thống kê mô tả: Được áp dụng trong

đánh giá thực trạng việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề Thú y như tuổi, giới tính, trình độ, hình thức tìm việc, thời gian tìm việc, nơi làm việc, vị trí việc làm, bổ sung kiến thức, kỹ năng, môi trường làm việc, tiền lương, chuyển đổi công việc...

Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở phân tích thực trạng việc làm của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề Thú y, chương trình đào tạo nghề Thú y, thị trường lao động.

Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến (Multiple linear regression): Mục đích của phương pháp hồi quy tương quan là ước lượng mức độ liên hệ (tương quan) giữa các biến độc lập (các biến giải thích) đến biến phụ thuộc (biến được giải thích) hoặc ảnh hưởng của các biến độc lập với nhau (các yếu tố nguyên nhân).

Mục tiêu phân tích mô hình: Nhằm giải thích biến phụ thuộc (Y) bị ảnh hưởng bởi nhiều biến độc lập ( $X_i$ ).

Phương trình hồi quy tương quan có dạng:

$$Y = \alpha_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_n X_n + \lambda_1 D_1 + \lambda_2 D_2 + \dots + \lambda_m D_m + \varepsilon$$

Trong đó

Y: Là biến phụ thuộc.

$\alpha_0$ : Là biến hằng số tự do, nó cho biết giá trị của biến Y khi các biến  $X_i$  và các biến  $D_j$  bằng 0.

$\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_n, \lambda_1, \lambda_2, \dots, \lambda_j$ : gọi là hệ số hồi quy, hệ số hồi quy cho biết ảnh hưởng từng biến độc lập  $X_i$  và  $D_j$  lên giá trị của biến phụ thuộc khi các biến còn lại được giữ cố định.

$X_1, X_2, \dots, X_n$ : Là các biến độc lập (biến giải thích). Biến độc lập định lượng, nó sẽ tác động hoặc làm ảnh hưởng đến sự thay đổi của biến phụ thuộc Y.

$D_1, D_2, \dots, D_j$ : Là các giả-Dummy (biến giải thích). Biến độc lập định tính (giá trị  $D_j=0$  và  $D_j=1$ ), nó sẽ tác động hoặc làm ảnh hưởng đến sự thay đổi của biến phụ thuộc Y.

$\varepsilon$ : Dư số/sai số trong mô hình hồi quy.

Hệ số tương quan bội (R): (Multiple correlation coefficient) nói lên tính chặt chẽ của mối quan hệ giữa biến phụ thuộc (Y) và biến độc lập ( $X_i$  và  $D_j$ ).

Hệ số xác định ( $R^2$ ) (Multiple coefficient of determination) được định nghĩa như là tỷ lệ (hay phần trăm) biến động của biến phụ thuộc (Y) được giải thích bởi các biến độc lập ( $X_i$  và  $D_j$ ).

Do dựa trên các thông tin nghiên cứu liên quan trên, theo đó mô hình hồi quy đánh giá các yếu tố có ảnh hưởng đến thực trạng việc làm của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh được thiết lập như sau thông qua mô hình hồi quy ước lượng:

$$\hat{Y} = a_0 + b_1 X_1 + b_2 X_2 + \dots + \beta_1 X_i + c_1 D_1 + c_2 D_2 + \dots + c_j D_j$$

Biến phụ thuộc:

Y: Việc làm của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp.

Biến độc lập:

$X_1$  = Tuổi lao động (năm).

$X_2$  = Thu nhập (triệu đồng/năm).

$X_3$  = Thời gian làm việc trong tuần.

$X_4$  = Trình độ chuyên môn (1 = Cao đẳng; 0 = Trung cấp).

$D_1$  = Giới tính lao động (0 = nữ; 1 = nam).

$D_2$  = Môi trường làm việc (1= thân thiện, 0=không thân thiện).

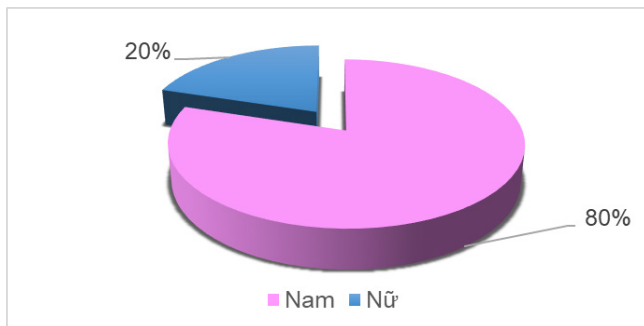
$D_3$  = Vị trí việc làm (1= quản lí, 0=không quản lí).

$D_4$  = Tham gia kĩ năng mềm (1 = có tham gia; 0 = không tham gia).

### 2.3. Kết quả và thảo luận

#### 2.3.1. Giới tính và độ tuổi

Kết quả khảo sát 124 sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề Thú y tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh cho thấy: Giới tính của sinh viên học nghề Thú y chủ yếu là nam 80% (99 sinh viên) và nữ là 20% (25 sinh viên). Từ kết quả khảo sát ở Hình 1 cho thấy, có nhiều lí do khác nhau dẫn đến sự chênh lệch giữa nam và nữ khi chọn nghề Thú y để học vì hoạt động chăn nuôi đòi hỏi sự bền bỉ, vất vả và dẻo dai về khoẻ hơn. Hơn nữa, các doanh nghiệp cần ít lao động nữ hơn do đó nên tạo môi trường bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực nông nghiệp để họ có cơ hội như nhau trong quá trình lao động, đóng góp sức lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế của xã hội.



Hình 1: Giới tính của sinh viên học nghề Thú y

Bảng 1: Tuổi của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp

Độ tuổi	Tần số (N=124)	Phần trăm (%)
< 22 tuổi	15	12,1
23 - 26 tuổi	86	69,4
27 - 30 tuổi	18	14,5
> 30 tuổi	5	4,0
Trung bình (tuổi)	24,2	
Độ lệch chuẩn	3,5	
Khoảng biến động	20 - 44	

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 1 cho thấy: Có 4 nhóm tuổi. Trong đó, độ tuổi từ 23-26 tuổi là 86 sinh viên (chiếm tỉ lệ cao nhất là 69,4%), 27-30 tuổi là 18 sinh viên (14,5%), nhỏ hơn 22 tuổi là 15 sinh viên (12,1%) và độ tuổi chiếm tỉ lệ thấp nhất là trên 30 tuổi (4%).

Từ kết quả ở Bảng 1 cho thấy, nguồn lao động trẻ tham gia vào thị trường lao động đang ở độ tuổi vàng (23-26 tuổi). Đây là độ tuổi mà thị trường lao động đang cần. Với độ tuổi này, khả năng tiếp thu kiến thức của người lao động cũng như ứng dụng khoa học kĩ thuật mới vào sản xuất rất thuận lợi, cơ hội phát triển nghề nghiệp của họ sẽ rất cao trong thời gian tới.

#### 2.3.2. Tình trạng việc làm của sinh viên

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, hầu hết sinh viên sau khi tốt nghiệp đều có việc làm ổn định. Trong đó, có 87 em đang làm việc cho các cơ quan, doanh nghiệp, công ty với tỉ lệ khá cao (71,77%), có 13,71% đang tiếp tục học lên bậc cao hơn, 8,06% đã có việc làm tại địa phương hay mở cửa hàng thuốc thú y, còn lại là 6,45% đang xin việc (Chủ yếu các em mới ra trường hay là các em chọn nơi làm việc phù hợp để tiện chăm sóc cho gia đình).

#### 2.3.3. Thời gian có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Qua kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, sau khi tốt nghiệp, các em tìm được việc rất sớm. Đặc biệt, là khoảng thời gian chưa đến 3 tháng thì có đến 76 sinh viên được nhận vào làm việc với tỉ lệ cao nhất là 61,29%, sau đó từ 3-6 tháng là 28 sinh viên (22,58%),

Bảng 2: Cơ cấu về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Nội dung	Tần số	Tỉ trọng (%)
Đang làm việc	89	71,77
Đang học tiếp	17	13,71
Đang xin việc	8	6,45
Đã đi làm nhưng xin nghỉ việc	10	8,06
Tổng	124	100

Bảng 3: Thời gian xin việc của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp

Thời gian xin việc	Tần số	Tỉ trọng (%)
< 3 tháng	76	61,29
3-6 tháng	28	22,58
6-12 tháng	14	11,29
> 12 tháng	6	4,84
Tổng	124	100

từ 6-12 tháng (11,29%) và thấp nhất với tỉ lệ 4,84% (>12 tháng). Nhìn chung, sau khi học xong nghề Thú y thì khả năng tìm việc là rất cao. Điều này chứng tỏ ngành học này hiện nay nhu cầu thị trường đang cần là rất lớn.

**2.3.4. Nguồn thông tin tiếp cận việc làm**

Kết quả khảo sát cho thấy, có nhiều sự lựa chọn để các em tiếp cận thông tin việc làm từ nhiều nguồn khác nhau, được thể hiện ở Bảng 4 như sau: Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc việc kết nối việc làm với các doanh nghiệp với sinh viên, chiếm tỉ lệ cao nhất - 62,9%; tự tìm việc của sinh viên - 15,32%; người thân, bạn bè - 13,71%; chiếm tỉ lệ thấp nhất - 8,06% (báo đài, quảng cáo).

**2.3.5. Cơ quan và vị trí việc làm**

Có sự khác nhau giữa nơi làm việc, vị trí việc làm, từ đó chế độ tiền lương cũng khác nhau giữa các cơ quan,

**Bảng 4: Nguồn thông tin việc làm mà sinh viên học nghề Thú y tiếp cận sau khi tốt nghiệp**

Nội dung	Tần số	Tỉ trọng (%)
Tự tìm việc	19	15,32
Báo đài, quảng cáo	10	8,06
Người thân, bạn bè	17	13,71
Nhà trường	78	62,90
Tổng	124	100

**Bảng 5: Nơi làm việc và tiền lương của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp**

Nơi làm việc	Số lượng	Lương (triệu đồng/tháng/người)	Tỉ trọng (%)
Công ty Green Feed	40	8-10	32,26
Công ty CJ Vina Agri	12	6-9	9,68
Công ty Emivest Feedmill	4	15	3,23
Công ty Anova Feed	7	10-12	5,65
Công ty Chăn nuôi CP	6	10	4,84
Công ty Greenfarm Asia	7	8-10	5,65
Trạm thú y xã/UBND xã	6	4	4,84
Cửa hàng thú y	12	3-5	9,68
Phòng phám thú y	5	4	4,03
Tự chăn nuôi tại địa phương	16	5-7	12,90
Có việc làm khác nghề	10	8	8,06
Tổng	124		100

doanh nghiệp và công ty (xem Bảng 5).

Từ kết quả ở Bảng 5 cho thấy: Phần lớn các công ty đều trả lương cho người lao động khá cao, với mức lương cao nhất là khoảng 15 triệu đồng/người/tháng (Công ty Emivest Feedmill); từ 10-12 triệu đồng/người/tháng (Công ty Anova Feed); 10 triệu đồng/người/tháng (Công ty Chăn nuôi CP); từ 8-10 triệu đồng/người/tháng (Công ty Green Feed và Công ty Greenfarm Asia); từ 6-9 triệu đồng/người/tháng (Công ty CJ Vina Agri).

Bên cạnh đó, khu vực công, cửa hàng thuốc thú y phòng phám thú y, tự chăn nuôi tại địa phương với mức lương ở thấp hơn (dao động từ 3-7 triệu đồng/người/tháng). Từ kết quả trên còn cho thấy, có 61,31% lao động được nhận với mức lương từ 8-15 triệu đồng/người/tháng (và mức lương này sẽ thay đổi theo thời gian tùy theo kinh nghiệm, năng lực, sự thành thạo công việc của người lao động).

**2.3.6. Nâng cao kiến thức chuyên môn, kĩ năng nghiệp vụ**

Từ kết quả nghiên cứu trên, người lao động có thể tự trang bị kiến thức cho bản thân họ hay đơn vị sử dụng lao động sẽ có kế hoạch để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động bổ sung thêm kiến thức mới để đáp ứng yêu cầu của công việc. Đó là xu thế của thời đại, thay đổi để thích và thay đổi để hướng đến tầm cao mới trong cuộc sống.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 7 cho thấy, một số kiến thức, kĩ năng và năng lực mà người lao động cần cải thiện bao gồm: Nâng cao kiến thức chuyên môn; Nâng cao kĩ năng nghiệp vụ (100%); Phát triển kĩ năng ngoại ngữ (72,58%); Phát triển kĩ năng tin học (68,55%), Nâng cao kĩ năng mềm (77,42%).

**2.3.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng việc làm của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh**

Xét giá trị Sig.F của mô hình: sig.F = 0,012 nói lên tính phù hợp của mô hình hồi quy với tập dữ liệu. Hệ số tương quan R = 0,79 nên có thể suy ra giữa biến tổng

**Bảng 7: Một số kĩ năng, kiến thức sẽ được cập nhật trong thời gian tới từ các sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp**

Nội dung	Tần số	Tỉ trọng (%)
Nâng cao kiến thức chuyên môn	124	100
Phát triển kĩ năng ngoại ngữ	90	72,58
Phát triển kĩ năng tin học	85	68,55
Nâng cao kĩ năng nghiệp vụ	124	100
Nâng cao kĩ năng mềm	96	77,42
Tổng	124	100

**Bảng 8: Kết quả mô hình hồi quy**

Kí hiệu	Tên biến	Tham số hồi quy	Giá trị t	Mức ý nghĩa	Giá trị VIF
	Hằng số	66,038	2,232	0,012	
X1	Tuổi	0,236	1,915	0,024	1,246
X2	Thu nhập	4,021	2,337	0,001	1,154
X3	Thời gian làm việc	1,865	1,540	0,252	1,696
X4	Trình độ chuyên môn	0,354	0,350	0,023	1,381
D1	Giới tính	0,026	0,019	0,010	1,252
D2	Môi trường làm việc	2,605	2,809	0,322	1,405
D3	Vị trí làm việc	2,112	0,822	0,035	1,278
D4	Tham gia kĩ năng mềm	3,564	1,061	0,049	1,400
Giá trị sig.F của mô hình		0,012			
Hệ số tương quan R		0,79			
Hệ số xác định R <sup>2</sup>		0,70			

thu nhập Y và các biến X nêu trên có mối quan hệ tương đối chặt chẽ. Hệ số xác định  $R^2=0,70$  cho biết các biến độc lập X nêu trên có thể giải thích đến 70% sự thay đổi của biến việc làm Y (xem Bảng 8).

- *Tuổi*: Tuổi của sinh viên có tham số hồi quy là 0,236, có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%, điều này có ý nghĩa là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi thì ở độ tuổi có ảnh hưởng đến quá trình làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề Thú y để đi làm việc tại các cơ quan doanh nghiệp, công ti. Đặc biệt đối với những sinh viên mới ra trường thì cơ hội việc làm sẽ có nhiều lựa chọn hơn những sinh viên đã tốt nghiệp trước đó mà chưa có việc làm. Đồng thời, độ tuổi còn quyết định đến khả năng tiếp cận khoa học kĩ thuật vào sản xuất tốt hơn những người có độ tuổi càng cao.

- *Thu nhập*: Thu nhập của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp đi làm có tham số là 4,021 và ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Từ đó, cho biết yếu tố thu nhập có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân viên lao động. Đây cũng là một trong những yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Công ti vì nó liên quan đến mức độ hài lòng, sự gắn bó với công việc lâu dài mà người lao động đang đảm nhận công việc. Nếu người lao động có mức lương quá thấp cũng sẽ ảnh hưởng đến đời sống gia đình của họ, dẫn đến mức độ cống hiến trong công việc bị hạn chế. Yếu tố này còn liên quan đến sự chuyển dịch lao động đối với đội ngũ có trình độ chuyên môn, có tay nghề cao.

- *Giới tính*: Giới tính của sinh viên sau khi tốt nghiệp có tham số 0,026 và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Từ đó cho thấy, giới tính cũng có ảnh hưởng đến việc làm của sinh viên học nghề Thú y vì trong quá trình tìm việc hay đảm nhận vị trí công việc thì nam giới có phần vượt trội hơn so với nữ giới trong lĩnh vực

nông nghiệp, đặc biệt là về Thú y (Nam giới thường đảm nhận những công việc vất vả hơn).

- *Trình độ chuyên môn*: Trình độ chuyên môn của sinh viên sau khi tốt nghiệp có tham số 0,354 và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa là 1%. Điều này cho thấy, khi trình độ chuyên môn càng cao thì khả năng tiếp cận những công việc mang tính chất nghiên cứu thuận lợi hơn những sinh viên có trình độ thấp hơn, cơ hội thăng tiến sẽ cao hơn (có thể trở thành quản lí).

- *Vị trí làm việc*: Vị trí việc làm có tham số 2,112 và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa là 1%. Điều này chứng tỏ vị trí việc làm có ảnh hưởng đến thực trạng việc làm của sinh viên.

- *Tham gia kĩ năng mềm*: Kĩ năng mềm là một trong những yếu tố không thể thiếu mà bất kì sinh viên hay người lao động phải tự tích lũy và trang bị để họ có thể vận dụng trong quá trình lao động và sản xuất. Kĩ năng mềm tại thời điểm khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp có tham số là 3,564 và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa là 1%.

### 2.3.8. Những giải pháp liên quan đến sinh viên và nhà trường

*Đối với sinh viên*: 1) Nâng cao kiến thức chuyên môn; 2) Nâng cao kĩ năng giao tiếp; 3) Nâng cao kĩ năng tin học, ngoại ngữ; 4) Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: Năng động, tìm tòi học hỏi và nỗ lực trong công việc, tác phong công nghiệp; 5) Chủ động và tích cực tìm việc cho bản thân; 6) Tham gia thực tập tại các công ti chăn nuôi với quy mô lớn.

*Đối với nhà trường*: 1) Nhà trường nên phối hợp với các tổ chức cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trong việc xây dựng chương trình đào tạo; 2) Nhà trường xây dựng và đào tạo đội ngũ giảng viên có chất lượng cao; 3) Trong khung chương trình đào tạo nên

lồng ghép những môn học thiên về kỹ năng mềm; 4) Ngoài việc đảm bảo kiến thức ngoại ngữ, tin học theo khung chương trình đào tạo để giảng dạy cho sinh viên thì nhà trường nên tăng thời lượng giờ giảng dạy môn học Anh văn chuyên; 5) Thời gian đào tạo: Căn cứ vào tình hình thực tế của xã hội cũng như khung thời gian quy định của Nhà nước, cần có chiến lược linh hoạt hơn, chủ động hơn trong việc tổ chức, bố trí thời gian hay thời lượng chương trình đào tạo sao cho phù hợp.

### 3. Kết luận và kiến nghị

#### 3.1. Kết luận

Dựa vào kết quả khảo sát 124 sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Trà Vinh, chúng tôi rút ra kết luận như sau:

- Sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp có việc làm ổn định trên 85%.
- Độ tuổi lao động từ 23-26 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất

là 69,4% và độ tuổi lao động có tỉ lệ thấp nhất là 5% (>30 tuổi).

- Có 6 yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng việc làm của sinh viên học nghề Thú y sau khi tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Trà Vinh: Tuổi, thu nhập, giới tính, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm và tham gia kỹ năng mềm.

#### 3.2. Kiến nghị

Từ việc tổng hợp các kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị được đề xuất như sau: 1) Nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng cho sinh viên ngay từ khi học còn đang ngồi trên ghế nhà trường; 2) Cần xây dựng khung chương trình đào tạo phù hợp với xu thế phát triển của xã hội khi đưa các môn học vào giảng dạy cho sinh viên; 3) Đẩy mạnh công tác thông tin thị trường từ các cơ quan, doanh nghiệp, công ty đến sinh viên; 4) Đào tạo gắn với giải quyết việc làm cho sinh viên học nghề Thú y.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Đức Thuận - Dương Ngọc Thành, (2015), *Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 36, tr.97-104.
- [2] Nguyễn Anh Tuấn - Thân Thanh Sơn - Vũ Đình Khoa, (2018), *Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nhân lực lĩnh vực kinh doanh và quản lý đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp khi Việt Nam gia nhập cộng đồng kinh tế Asean: Nghiên cứu điển hình tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, số 46, tr.120 - 128.
- [3] Nguyễn Trung Tiến - Đặng Thùy Linh - Nguyễn Thị Thúy Liễu - Nguyễn Quốc Bình - Nguyễn Văn Rót, (2020), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm của sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính Vĩnh Long sau khi ra trường*, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển, số 08, tr.65-80.
- [4] Trương Trí Thông - Nguyễn Văn Tuấn Vũ - Nguyễn Thị Tường Vi, (2022), *Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ Cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Nai, số 22, tr.27 - 40.
- [5] Trần Võ Văn May - Lê Thị Quỳnh Hương - Phan Tôn Thanh Tâm, (2022), *Việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Khoa Cơ khí và Công nghệ*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, số 2(62), tr.139-149.
- [6] Cochran, W.G., (1977), *Sampling techniques (3<sup>rd</sup> ed.)*, New York: John Wiley & Sons, Fisher A et al, Handbook for Family Planning Operation Research design, 2<sup>nd</sup> edition, Population Council.

## FACTORS INFLUENCING THE EMPLOYMENT OF STUDENTS STUDYING VETERINARY MEDICINE AT TRA VINH VOCATIONAL COLLEGE

Ngô Thanh Trắc\*<sup>1</sup>, Trần Thị Ngọc Thanh<sup>2</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: ttrac81@gmail.com

<sup>2</sup> Email: ttnthanh2011@gmail.com

Tra Vinh Vocational College  
No.2 Bui Huu Nghia, Tra Vinh city,  
Tra Vinh province, Vietnam

**ABSTRACT:** *The study was conducted by surveying the employment of 124 students studying in Veterinary Medicine at Tra Vinh Vocational College through a prepared questionnaire. Study results indicate that over 85% of students have stable jobs after graduation, the group aged 23-26 accounted for the highest rate of 69.4 percent, and the group aged over 30 accounted for the lowest rate of 5 percent. Six factors affecting their employment include age, income, gender, professional qualifications, job position, and soft skills. The article proposes several recommendations related to the training program, completing and improving its quality to meet the needs of the labor market.*

**KEYWORDS:** Impact factors, employment, students, Veterinary Medicine, Tra Vinh Vocational College.